

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ

Số: 2591/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 20 tháng 7 năm 2017

### QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án:  
Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt tại xã Đông Nam, huyện Đông Sơn

### CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 817/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu liên hợp xử lý chất thải rắn sinh hoạt của thành phố Thanh Hóa và vùng phụ cận;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 3729/SXD-PTĐT ngày 13 tháng 7 năm 2017 về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án: Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt tại xã Đông Nam, huyện Đông Sơn,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án: Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt tại xã Đông Nam, huyện Đông Sơn, với nội dung chính sau:

**1. Lý do điều chỉnh quy hoạch:** Cập nhật quy mô nhà máy Nhà máy tái chế rác thải hữu cơ tại tỉnh Thanh Hóa của công ty TNHH CAN Holdings –

Nhật Bản theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Thông báo số 81/TB-UBND ngày 05/5/2017; bố trí hồ chôn lấp rác thải tồn dư được di chuyển từ khu đất thực hiện dự án Melinh Plaza Thanh Hóa. Đồng thời, mở rộng ranh giới nghiên cứu quy hoạch sang phần đất nông nghiệp ở phía Nam ranh giới nghiên cứu cũ bị ảnh hưởng bởi dự án khu xử lý rác; nghiên cứu dây chuyền xử lý rác thải đồng bộ, hiện đại đảm bảo các yêu cầu về môi trường.

## 2. Phạm vi ranh giới quy hoạch

Vị trí khu đất được xác định tại Thung Chim - Núi Vàng thuộc xã Đông Nam, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá. Phạm vi ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc : Giáp ruộng lúa chân núi Vàng;
- Phía Nam : Giáp đồi Bạch Đàn, Thung Chim;
- Phía Đông : Giáp đồi xóm Cộng, xã Đông Nam;
- Phía Tây : Giáp trục đường chính vào khu xử lý.

**3. Tính chất:** Là khu liên hợp xử lý rác thải sinh hoạt cho thành phố Thanh Hoá và vùng phụ cận.

**4. Quy mô:** Xử lý rác thải sinh hoạt 500 tấn/ngày; sản xuất phân bón hữu cơ 118tấn/1ngày; hạt nhựa tái chế 10 tấn/1 ngày; phế liệu kim loại 2 tấn/ngày.

## 5. Quy hoạch sử dụng đất

| TT | MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT       | KÝ HIỆU | DIỆN TÍCH (M <sup>2</sup> ) | TỶ LỆ (%) | MĐXD  | HSSDD   | TÀNG CAO |
|----|----------------------------|---------|-----------------------------|-----------|-------|---------|----------|
| 1  | ĐẤT VĂN PHÒNG              | HC      | 8.856,66                    | 3,32      | 20-30 | 0,2-1,8 | 1 - 3    |
| 2  | ĐẤT SẢN XUẤT               |         | 44.230,3                    | 16,60     |       |         | 1 - 5    |
|    |                            | SX 01   | 31.455,53                   | 11,81     | 80-85 | 0.8 - 2 | 1 - 5    |
|    |                            | SX 02   | 1979,71                     | 0,74      | 80-85 | 0.8 - 2 | 1 - 5    |
|    |                            | SX 03   | 10.795,06                   | 4,05      | 50-60 | 0.8 - 2 | 1 - 5    |
| 3  | ĐẤT DỰ ÁN CAN HOLDINGS     | DDA01   | 12.520,96                   | 4,70      | 80-85 | 0.8 - 2 | 1 - 5    |
| 4  | HỒ CHÔN XÍ                 | H CX    | 9.867,81                    | 3,70      | .     | .       |          |
| 5  | BÃI CHÔN LẤP               | BCL     | 13.140,53                   | 4,93      | .     | .       |          |
| 6  | BÃI TẬP KẾT RÁC HIỆN TRẠNG | BTK     | 18.496,4                    | 6,94      | .     | .       |          |
| 7  | HỒ XỬ LÝ                   | HSL 01  | 5.516,5                     | 2,07      | .     | .       |          |
| 8  | ĐẤT CÂY XANH               |         | 59.061,83                   | 22,17     |       |         |          |
|    |                            | CX 01   | 4.905,41                    | 1,84      | 5     | 0.05    |          |
|    |                            | CX 02   | 7.443,99                    | 2,79      | 5     | 0.05    |          |

| TT | MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT  | KÝ HIỆU | DIỆN TÍCH (M2) | TỶ LỆ (%) | MĐXD | HSSDD | TÀNG CAO |
|----|-----------------------|---------|----------------|-----------|------|-------|----------|
|    |                       | CX 03   | 2.242,75       | 0,84      | .    | .     |          |
|    |                       | CX 04   | 2.643,6        | 0,99      | .    | .     |          |
|    |                       | CX 05   | 8.516,7        | 3,20      | .    | .     |          |
|    |                       | CX 06   | 6.084,48       | 2,28      | .    | .     |          |
|    |                       | CX 07   | 9.100,67       | 3,42      | .    | .     |          |
|    |                       | CX 08   | 18.124,23      | 6,80      |      |       |          |
| 9  | ĐẤT DỰ TRỮ PHÁT TRIỂN |         | 48.237,64      | 18,11     |      |       |          |
|    |                       | DTPT01  | 9.587,82       | 3,60      | .    | .     |          |
|    |                       | DTPT 02 | 14.216,29      | 5,34      | .    | .     |          |
|    |                       | DTPT 03 | 8.608,8        | 3,23      | .    | .     |          |
|    |                       | DTPT 04 | 6.627,7        | 2,49      | .    | .     |          |
|    |                       | DTPT 09 | 9.197,03       | 3,45      |      |       |          |
| 10 | ĐẤT KÊNH MUÔNG        |         | 7.686,43       | 2,89      |      |       |          |
| 11 | ĐẤT GIAO THÔNG        |         | 29.149,01      | 10,94     |      |       |          |
| 12 | CÁC LOẠI ĐẤT KHÁC     |         | 9.628,57       | 3,61      |      |       |          |
|    | TỔNG                  |         | 266.392,64     | 100,00    |      |       |          |

Bảng so sánh với quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu liên hợp xử lý rác thải rắn sinh hoạt của thành phố Thanh Hóa và vùng phụ cận đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 817/QĐ-UBND ngày 15/3/2010:

| STT | Chức năng SDD             | Phương án đã phê duyệt |           | Phương án điều chỉnh |           | Thay đổi diện tích |           |
|-----|---------------------------|------------------------|-----------|----------------------|-----------|--------------------|-----------|
|     |                           | Diện tích đất (m2)     | Tỷ lệ (%) | Diện tích đất (m2)   | Tỷ lệ (%) | Giảm (m2)          | Tăng (m2) |
|     | PHẦN ĐẤT QUY HOẠCH        | 200.000                |           | 266.392,64           |           |                    | 66.392,64 |
| 1   | Đất văn phòng, hành chính | 11.569                 | 5,8       | 8.856,66             | 3,32      | 2.712,34           |           |
| 2   | Đất sản xuất              | 21.714                 | 10,85     | 56.751,26            | 21,33     |                    | 35.037,26 |
| 3   | Khu sân bãi               | 50.842                 | 25,4      | 41.504,74            | 15,57     | 9.337,26           |           |
| 4   | Đất Giao thông            | 33.557                 | 16,7      | 29.149,01            | 10,94     | 4.427,99           |           |
| 5   | Đất Hạ tầng kỹ thuật khác | 21.555                 | 10,75     | 71.069,14            | 26,67     |                    | 49.514,14 |
| 6   | Đất cây xanh              | 61.061                 | 30,5      | 59.061,83            | 22,17     | 1.999,17           |           |

## 6. Giải pháp tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan trên cơ sở lựa chọn công nghệ xử lý chất thải rắn và công suất xử lý, từ đó phân khu chức năng gồm 3 khu vực chính như sau:

### 6.1. Khu vực sản xuất:

Khu vực sản xuất bố trí công vào riêng biệt, việc giải quyết giao thông độc lập sẽ tránh được xung đột giao thông giữa luồng người và luồng hàng; ngoài ra còn rất thuận lợi trong việc quản lý, cũng như giảm thiểu ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến khu văn phòng và khu vực xung quanh nhà máy. Khu đất xây dựng dây chuyền sản xuất và bãi chôn lấp, hồ xử lý sinh học... được bố trí phía Tây Bắc khu hành chính (cuối hướng gió).

Các hạng mục nhà xưởng với hình thức kiến trúc nhà công nghiệp, thông thoáng, dây chuyền công nghệ hiện đại xử lý triệt để, hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; bố trí các khoảng không gian cách ly giữa các nhà xưởng kết hợp trồng cây xanh tạo bóng mát, giúp không gian mềm mại, trong lành, đảm bảo khoảng cách ly an toàn vệ môi trường từ khu vực nhà máy tới các khu vực xung quanh.

Bãi chôn lấp chất thải vô cơ sau xử lý bố trí phía Tây cuối cùng khu đất, gắn liền với bãi chôn lấp rác hiện trạng, khu vực xử lý phế thải thành vật liệu san lấp mặt bằng và khu vực xử lý nước thải. Bãi chôn lấp chất thải bố trí những đường viền cây xanh bao quanh tăng thêm màu xanh cho khu vực, tạo nên sự thân thiện với môi trường.

Khu vực xử lý nước thải: bố trí gần mương thoát nước, phía Tây nhà xưởng chính. Nước thải được thu gom vào bể tập trung và xử lý đạt tiêu chuẩn độ B trước khi xả ra hệ thống thoát nước thải nhà máy và thoát ra sông Hoàng.

Toàn bộ khu vực chôn lấp được trồng dải cây xanh cách ly rộng khoảng 10 đến 20m tính từ chân tường rào vào tới mép bãi chôn lấp.

### 6.2. Khu vực hành chính:

Khu hành chính bố trí công vào riêng biệt, vị trí về phía Đông khu sản xuất, được cách biệt với khu sản xuất bởi không gian đệm hồ điều hòa, cây xanh cảnh quan cách ly. Các hạng mục công trình xây dựng với chiều cao dự kiến từ 1 đến 3 tầng, hình thức kiến trúc phù hợp với chức năng sử dụng. Các khu vực phụ trợ như nhà ăn ca công nhân, nhà xe CBCNV, bảo vệ... thiết kế một tầng. Bố trí sân vườn, cây xanh cách ly xung quanh, gắn liền với sân thể thao.

### 6.3. Khu cây xanh, hồ sinh thái:

Khu cây xanh, hồ sinh thái bố trí vào khoảng đệm giữa khu vực sản xuất và khu hành chính, vừa giải quyết tốt việc phân định không gian vừa tạo cảnh quan chung nhà máy, tạo không gian đệm giảm thiểu ảnh hưởng môi trường đến khu hành chính.

6.4. Đối với khu vực Khu di tích Thành Hoàng Ngưu - Căn cứ Nguyễn Chích là di tích lịch sử cấp tỉnh: Bố trí và xây dựng các hạng mục công trình của Nhà máy tái chế rác thải hữu cơ theo công nghệ Nhật Bản (Nhà máy và hạ tầng kỹ thuật) phải cách các điểm tọa độ khu vực I của hai đoạn thành đất ở điểm gần nhất với khoảng cách tối thiểu là 100m và chạy suốt theo đường ranh giới phía Nam khu đất mở rộng (trong dải đất cách ly này chỉ được trồng cây, bảo vệ cảnh quan, không được xây dựng công trình) để bảo vệ di tích.

## 7. Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật

### 7.1. Quy hoạch giao thông

Mạng lưới đường quy hoạch: Trong khu vực nghiên cứu có 8 tuyến đường đều là đường giao thông nội bộ.

Các thông số kỹ thuật chủ yếu:

- Tiêu chuẩn kỹ thuật đường giao thông:

Bán kính cong bó vỉa tại vị trí giao nhau:

+ Đường phố cấp nội bộ:  $R = (8,0 - 10,0)m$

Tốc độ thiết kế:

+ Đường phố cấp nội bộ: 20-30 km/h.

Độ dốc dọc đường: Độ dốc dọc đường thiết kế  $0,0\% \leq i \leq 7,5\%$ .

- Các kết cấu áo đường, hè đi bộ đề xuất áp dụng:

\* Kết cấu áo đường:  $E_{yc} = 110 \text{ Mpa}$

+ 7 cm bê tông atfan hạt thô.

+ Tưới nhựa thấm tiêu chuẩn 1.0 kg/m<sup>2</sup>.

+ 15 cm cấp phối đá dăm loại I.

+ 18 cm cấp phối đá dăm loại II.

+ 50 cm cấp phối đồi đầm chặt  $K = 0,98$

+ Nền đầm chặt  $K = 0,95$ .

\* Kết cấu bó vỉa: Sử dụng bó vỉa vát có kích thước 26x23x100 có đan cho các vỉa hè có tổ chức thoát nước mặt.

\* Kết cấu vỉa hè:

+ Gạch block tự chèn dày 5cm.

+ Đệm cát vàng dày 5cm.

+ Cát gia cố xi măng 8% dày 10cm.

Bảng thống kê mạng lưới giao thông

| STT | TÊN TUYẾN  | LOẠI MẶT CẮT  | ĐIỂM |      | CHIỀU DÀI (M) | BỀ RỘNG (M) |           |            |      |
|-----|------------|---------------|------|------|---------------|-------------|-----------|------------|------|
|     |            |               | ĐẦU  | CUỐI |               | MẶT ĐƯỜNG   | PHÂN CÁCH | HÈ (2 BÊN) | TỔNG |
| 1   | Tuyến số 1 | Mặt cắt 1-1   | N14  | N6   | 204,39        | 17,0        | 0,0       | 3,0 + 7,0  | 27,0 |
| 2   | Tuyến số 2 | Mặt cắt 2-2   | N7   | N8   | 202,43        | 10,5        | 0,0       | 3,0 x 2    | 16,5 |
| 3   | Tuyến số 3 | Mặt cắt 3-3   | N2   | N5   | 137,94        | 7,5         | 0,0       | 5,0 x 2    | 17,5 |
| 4   | Tuyến số 4 | Mặt cắt 3A-3A | N3   | N8   | 293,31        | 7,5         | 0,0       | 5,0 + 3,0  | 15,5 |
| 5   | Tuyến số 5 | Mặt cắt 3B-3B | N1   | N4   | 259,37        | 7,5         | 0,0       | 3,0 x 2    | 13,5 |
| 6   | Tuyến số 6 | Mặt cắt 4-4   | N8   | N12  | 348,88        | 5,5         | 0,0       | 3,0 x 2    | 11,5 |
| 7   | Tuyến số 7 | Mặt cắt 4-4   | N9   | N10  | 214,87        | 5,5         | 0,0       | 3,0 x 2    | 11,5 |
| 8   | Tuyến số 8 | Mặt cắt A-A   | N4   | N11  | 482,14        | 7,5         | 0,0       | 0,0        | 7,5  |

### 7.2. Thiết kế quy hoạch san nền:

Tạo hướng dốc đường giao thông từ phía Đông sang phía Tây, cao độ không chế xây dựng cho khu vực là từ 3,80m.

Độ dốc san nền các khu xây dựng là 0,4 - 1.00%.

Thiết kế san nền theo phương pháp đường đồng mức thiết kế, với độ chênh cao giữa 2 đường đồng mức  $H=0,05m$ .

Khối lượng san nền được tính theo phương pháp lưới ô vuông 10 x 10 m.

### 7.3. Quy hoạch thoát nước mưa, nước thải:

- Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa:

Đối với rãnh nằm dưới lòng đường dùng loại rãnh chịu lực tải trọng H30-XB80.

Đối với rãnh nằm trên vỉa hè dùng loại rãnh tải trọng VH.

Ga thăm thu nước mưa có cửa thu theo kiểu thu nước mặt đường có lưới chắn rác và nắp bằng composite.

- Quy hoạch hệ thống thoát nước thải:

a) Lưu lượng nước thải trong khu vực

Thiết kế trạm xử lý nước thải trong khu đất nghiên cứu công suất:  $Q = 250\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ . Theo QCVN 01: 2008/BXD diện tích cần thiết xây dựng trạm xử lý nước thải là 0,05(ha).

b) Thiết kế mạng lưới thoát nước

\* Nguyên tắc thiết kế:

Thiết kế theo nguyên tắc tự chảy, thiết kế riêng so với hệ thống thoát nước mưa, độ dốc thiết kế đủ lớn sao cho tốc độ chảy trong cống tăng khả năng tự làm sạch:  $i \geq i_{\min} = 1/D$ .

\* Giải pháp thiết kế:

Quy hoạch hệ thống thoát nước khu vực thoát riêng với hệ thống thoát nước mưa. Thoát nước thải trong khu vực sử dụng ống nhựa U.PVC classic 3.

Dọc tuyến cống thoát nước thải bố trí hố ga thoát nước thải để xử lý sự cố và vét bùn, khoảng cách hố ga đảm bảo tiêu chuẩn thoát nước thải.

Tại vị trí ống thoát nước qua đường cần thiết kế giảm tải lên ống bằng cách lồng ống thép qua đường.

Hệ thống thoát nước bản thiết kế theo nguyên tắc tự chảy để tận dụng điều kiện địa hình.

Nước thải được thu gom vào hệ thống ống nhánh, ống chính về trạm xử lý phía của bãi rác.

Nước thải xử lý theo phương pháp sinh học kết hợp hồ chứa sinh học, diện tích cần thiết xây dựng trạm xử lý nước thải là 0,05(ha). Nước thải sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn thoát ra hệ thống thoát nước mưa sau đó ra sông Hoàng.

#### 7.4. Quy hoạch cấp nước:

Nhu cầu sử dụng nước: Công suất dùng nước tối đa cho nhu cầu nước sạch của bãi rác ngày đêm làm tròn là:  $Q = 180 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .

Nguồn nước cấp: Nguồn nước cấp cho nhà máy xử lý rác được lấy từ hệ thống cấp nước sạch xã Đông Nam. Điểm đầu nối thiết kế được lấy từ đường ống hiện có (Đường ống D160 hiện có trước nhà văn hóa xã Đông Nam, khoảng cách điểm đầu nối là 500m).

Mạng lưới đường ống cấp nước: Hệ thống cấp nước sinh hoạt và chữa cháy trong khu vực đi chung đường ống.

Ống thiết kế là ống nhựa HDPE có đường kính từ 110mm - 150mm. Đường ống được thiết kế đi trong hành lang kỹ thuật của các tuyến đường, chiều sâu chôn ống tối thiểu là 0,7m, đỉnh ống có bố trí lưới cảnh báo để đảm bảo mạng lưới đường ống được hoạt động bình thường.

Dọc các tuyến ống chính cấp nước bố trí một trụ cấp nước chữa cháy ngoài nhà với khoảng cách các trụ là 80m.

Tại các tuyến ống nhánh cấp nước vào các công trình bố trí van khóa để xử lý khi có sự cố trên đường ống.

#### 7.5. Quy hoạch cấp điện:

Dự báo nhu cầu phụ tải: Tổng công suất sử dụng điện: 2262.18KW

Cấp điện: Nguồn điện cấp cho các trạm xây dựng mới được lấy từ đường điện trung áp 35KV lộ 373 – E9.8.

a) Đường điện trung áp: Tuyến điện trung áp xây dựng mới cấp điện cho các trạm biến áp 35/0.4KV được thiết kế nối dọc theo các trục đường giao thông. Dây dẫn dùng dây nhôm lõi thép đi trên cột bê tông ly tâm. Chiều dài tuyến điện trung áp 35KV xây dựng mới dự kiến dài 3.6 km.

b) Trạm biến áp: Căn cứ vào nhu cầu sử dụng điện nhà máy cần xây dựng mới 03 trạm biến áp có tổng công suất 2530KVA. Các máy biến áp này có gam công suất 1250KVA, 30KVA. Trạm biến áp dùng trạm xây, đảm bảo bán kính cấp điện cho các phụ tải.

c) Điện hạ thế: Xây dựng mới các tuyến cáp hạ thế từ các trạm biến áp được chôn ngầm đất, dây dẫn dùng cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC. Chiều dài đường dây 0.4KV : 1.32km

d) Điện chiếu sáng: Các tuyến đường trong dân cư được chiếu sáng bằng đèn cao áp bóng Sodium công suất 250W- 220V lắp trên cột thép bát giác 10m, độ chói trung bình đạt 0,8 - 1 Cd/m<sup>2</sup>. Tất cả các đường nội bộ trong khu vực lập quy hoạch được chiếu sáng bằng đèn cao áp công suất 250W lắp trên cột thép 10m, những chỗ nơi có không gian rộng và bãi đỗ xe được chiếu sáng bằng đèn pha lắp trên cột thép 14m. Dây dẫn cấp nguồn cho hệ thống điện chiếu sáng được thiết kế ngầm có chiều dài 4.6km.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

- Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ môi trường ECOTECH có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ theo nội dung trên; gửi Sở Xây dựng kiểm tra, đóng dấu, lưu trữ theo quy định, làm cơ sở quản lý và thực hiện.

- Các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, UBND huyện Đông Sơn theo chức năng nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy định hiện hành.

## **Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.**

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn; Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ môi trường ECOTECH và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như điều 3 Quyết định;
  - Chủ tịch UBND tỉnh;
  - Lưu: VT, CN.
- H18.(2017)QDPD DCQH bài rac Dong Nam.doc

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Văn Tuấn